

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/HS-ST
Ngày: 07-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;
Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu và bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2021/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc D, sinh năm 1967; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi sinh và nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, thị trấn Y.Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Y.Đ; Đoàn, Đảng: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam . Ngày 05/11/2021 có Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng ; Trình độ học vấn: 12/12. Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Phạm Văn T, sinh năm 1933; Con bà Vũ Thị N, sinh năm 1940 (đều đã chết); Vợ Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1970; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1997. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt).

2. Vũ Hồng T, sinh năm 1964; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi sinh và nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, thị trấn Y.Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ địa chính – xây dựng thị trấn Y.Đ; Đoàn, Đảng: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam Ngày 05/11/2021 có Quyết định đình chỉ sinh hoạt

đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Vũ Đức T, sinh năm 1935 (đã chết), là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng hai; Con bà Đặng Thị T, sinh năm 1934; Vợ: Phạm Thị C, sinh năm 1968; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện H.H, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hải Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị trấn Y.Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Y.Đ; (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Lê Minh T, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn Y.Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (vắng mặt).

3. Bà Bùi Thị Phương D, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn Y.Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Anh Lê Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn Y.Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (vắng mặt).

** Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1969; (vắng mặt).

2. Ông Phạm Văn Đ; (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1970; (vắng mặt).

4. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1958; (có mặt).

5. Ông Vũ Hồng P, sinh năm 1950; (có mặt).

6. Anh Mai Văn N, sinh năm 1985; (vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1947; (vắng mặt).

8. Bà Mai Thị Q, sinh năm 1960; (vắng mặt).

9. Bà Trần Thị L, sinh năm 1962; (vắng mặt).

10. Ông Bùi Văn O, sinh năm 1966; (có mặt).

11. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; (có mặt).

12. Ông Trần Đăng K, sinh năm 1970; (có mặt).

13. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1958; (có mặt).

14. Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1953; (có mặt).

15. Ông Trần Trung K, sinh năm 1974; (có mặt).
16. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970; (có mặt).
17. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988; (vắng mặt).
18. Ông Đinh Trọng G, sinh năm 1951; (có mặt).
19. Ông Vũ Đức C, sinh năm 1955; (có mặt).
20. Ông Bùi Văn O, sinh năm 1969; (có mặt).
21. Ông Mai Văn K, sinh năm 1974; (vắng mặt).
22. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958; (vắng mặt).
23. Ông Mai Thế B, sinh năm 1970; (có mặt).
24. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1967; (vắng mặt).
25. Chị Vũ Thị V, sinh năm 1985; (vắng mặt).
26. Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1950; (có mặt).
27. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1951; (vắng mặt).
28. Bà Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1970; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Quyết định số 35- QĐ/HU ngày 22/11/2010 của Huyện ủy Hải Hậu về việc ban hành đề án Dồn điền đổi thửa (DĐĐT) giai đoạn 2010 – 2015, ngày 14/02/2011, Đảng ủy thị trấn Y.Đ ban hành Quyết định số 01-QĐ/ĐU về việc thành lập ban chỉ đạo đề án DĐĐT giai đoạn 2010 – 2015 trên địa bàn thị trấn, trong đó phân công ông Nguyễn Thanh H – Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị trấn là trưởng ban; Phạm Ngọc D - Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn là phó ban thường trực; ông Trần Trọng Toán - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn và ông Nguyễn Văn Trường – Chủ nhiệm hợp tác xã là phó ban; Vũ Hồng T - cán bộ địa chính - xây dựng là ủy viên. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện việc DĐĐT theo quy định và hướng dẫn của cấp trên, các thành viên ban chỉ đạo căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ trên lĩnh vực đang công tác để tham gia công tác DĐĐT theo quy định. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, Phạm Ngọc D đã ký ban hành Quyết định số 06/2011/QĐ-UB ngày 16/02/2011 về việc thành lập tổ giúp việc DĐĐT thị trấn Y.Đ, giai đoạn 2010 - 2015, phân công ông Trần Trọng Toán là tổ trưởng, Vũ Hồng T là tổ phó thường trực; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 05/4/2011 kèm theo là Đề án, Phương án thực hiện DĐĐT trên địa bàn thị trấn, trong đó đã nêu rõ nguyên tắc DĐĐT: *“Việc DĐĐT phải đảm bảo công khai, dân chủ.... Các phương án quy hoạch phải được công khai ở nơi công cộng và*

trích quy hoạch riêng cho từng đội sản xuất để nhân dân biết và thực hiện... ”. Khi tiến hành DĐĐT, Ủy ban nhân dân thị trấn đã tổ chức hội nghị tập huấn đến các cán bộ có liên quan và triển khai kế hoạch, đề án, phương án thực hiện DĐĐT.

Trước khi DĐĐT, Phạm Ngọc D có 02 thửa đất trồng lúa tổng diện tích là 588m², gồm: thửa số 10/24, tờ bản đồ số 3 diện tích 30m² và thửa số 99/1, tờ bản đồ số 7 diện tích 558m², nguồn gốc do bố mẹ để lại. Ngoài ra, D còn sử dụng 03 thửa đất hai lúa khác bao gồm: thửa số 10/27, tờ bản đồ số 3 diện tích 154m² của ông Phạm Văn N là bác của D (đã chết năm 2003); các thửa số 10/28, tờ bản đồ số 3 diện tích 21m² và thửa số 103/2, tờ bản đồ số 7 diện tích 279m² của bà Phạm Thị K là bác của D (đã chết năm 1996). Tổng diện tích đất hai lúa D quản lý, sử dụng là 1.042m², sau khi trừ phần diện tích đóng góp mở rộng đường giao thông, thủy lợi nội đồng còn lại là 1.012m². Các diện tích đất trên thuộc tổ dân phố số 2, thị trấn Y.Đ nằm trong kế hoạch, sơ đồ DĐĐT của tổ dân phố số 2.

Ngày 20/9/2011, Ủy ban nhân dân thị trấn Y.Đ thành lập tổ công tác DĐĐT tổ dân phố số 2, trong đó: Ông Vũ Hồng P – Bí thư chi bộ tổ dân phố là tổ trưởng, bà Phạm Thị H - Tổ trưởng tổ dân phố là tổ phó. Căn cứ vào sổ hộ và tổng diện tích đất trồng lúa của tổ dân phố, tổ công tác đã xây dựng phương án DĐĐT của tổ dân phố (sơ đồ giải thửa) trình Ủy ban nhân dân thị trấn và niêm yết công khai tại nhà văn hóa tổ dân phố. Sau khi công khai, khoảng tháng 11/2011, ông Pha, bà Huệ cùng với Vũ Hồng T tiến hành đo đạc, giao đất tại thực địa cho các hộ dân trong tổ dân phố số 2. Khi chia hết cho các hộ dân trong tổ dân phố, đến thửa đất của D là cuối cùng nhưng D lấy lý do vị trí xấu, khó trồng cấy nên không nhận mà muốn lấy ở vị trí đất do Công ty cổ phần Dược phẩm Nam Hà (Công ty Dược) bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân thị trấn năm 1997 tại thửa số 136, tờ bản đồ số 7 thuộc tổ dân phố số 3, thị trấn Y.Đ. Phần diện tích đất này không thuộc cánh đồng do tổ dân phố số 2 quản lý, không nằm trong diện tích giao ổn định lâu dài nên tổ giúp việc của thị trấn không đưa vào phương án DĐĐT của thị trấn. Do vậy, khi tổ công tác DĐĐT tổ dân phố số 2 xây dựng phương án, lập sơ đồ giải thửa trình Ủy ban nhân dân thị trấn và công khai tại nhà văn hóa tổ dân phố không thể hiện vị trí thửa đất và không thể hiện việc dịch chuyển 1.012m² đất của D về vị trí đất này. Tuy nhiên, sau khi T, ông P, bà H giao đất xong cho các hộ dân ở tổ dân phố số 2, Phạm Ngọc D lợi dụng chức vụ đang đảm nhiệm là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn đã chỉ đạo T và bà Huệ đến đo và giao cho D 1.012m² đất nằm trong phần diện tích đất của công ty Dược đã bàn giao, trong đó có 460m² đất nuôi trồng thủy sản, 552m² đất trồng lúa. Có mặt tại buổi giao đất còn có ông Pha và ông Nguyễn Văn T nhưng các ông về trước, không tham gia đo và bàn giao đất cho D. Sau khi giao đất, D, T và bà H đã ký vào biên bản giao đất cho hộ nông dân khi DĐĐT ngày

29/11/2011 và phương án DĐĐT năm 2011, sau đó T tổng hợp và hoàn thiện hồ sơ giao đất gửi Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho D nhưng đến nay chưa được cấp. Ngày 25/02/2012, D cùng vợ là bà Phạm Thị Thúy Ngoan đã lập hợp đồng chuyển nhượng 1.012m² đất trên cho vợ chồng ông Lê Minh T, sinh năm 1973, trú tại tổ dân phố số 3, thị trấn Y.Đ với giá 200.000.000 đồng. Đến ngày 11/3/2021, Phạm Ngọc D tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền trên. Quá trình điều tra, Phạm Ngọc D và Vũ Hồng T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 47 ngày 21/12/2020 và số 03 ngày 25/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hải Hậu kết luận: Tổng diện tích 1.012m² đất hai thửa thuộc tổ dân phố số 2, thị trấn Y.Đ mà Phạm Ngọc D sử dụng trước khi DĐĐT tại thời điểm tháng 11/2011 có giá là 50.600.000 đồng. Diện tích 1.012m² đất tại thửa số 136, tờ bản đồ số 7 thuộc tổ dân phố số 3, thị trấn Y.Đ mà tổ công tác DĐĐT đã giao cho D thời điểm tháng 11/2011 có giá là 64.400.000 đồng. Giá trị chênh lệch giữa 02 thửa đất trên là 13.800.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 88/QĐ-VKS-P1 ngày 21-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố các bị cáo Phạm Ngọc D, Vũ Hồng T về tội “ Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 281 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc D, Vũ Hồng T phạm tội “ Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt Phạm Ngọc D từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Y.Đ giám sát, giáo dục.

Áp dụng khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt Vũ Hồng T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Y.Đ giám sát, giáo dục.

- *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Trả lại ông Lê Minh T, bà Bùi Thị Phương D số tiền 200.000.000 đồng.

Các vấn đề khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Các bị cáo và Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng tháng 11/2011, Phạm Ngọc D với vai trò là Phó bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Y.Đ, huyện Hải Hậu đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm không đúng công tác dồn điền đổi thửa để chuyển 1.012m² đất nông nghiệp gia đình D đang trồng cây ở tổ dân phố số 2, thị trấn Y.Đ về vị trí đất không nằm trong diện dồn điền đổi thửa; gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 13.800.000 đồng, còn Vũ Hồng T với tư cách là cán bộ địa chính - xây dựng mặc dù không được hưởng lợi nhưng là người giúp sức cho D hoàn thành hồ sơ dồn điền đổi thửa theo sự chỉ đạo của D.

[3] Hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình, nhằm mục đích vụ lợi không đúng thẩm quyền của bị cáo D; hành vi giúp sức để D hoàn thành việc phạm tội của bị cáo T đã vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Nhà nước, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của công dân và của toàn xã hội đủ dấu hiệu cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, không oan.

[4] Tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì BLHS năm 1999 đang có hiệu lực thi hành nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố các bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 281 BLHS năm 1999 là có căn cứ.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Đối với Phạm Ngọc D, năm 2011 với vai trò là Chủ tịch UBND thị trấn Y.Đ, Phó ban thường trực chỉ đạo đề án dồn điền đổi thửa đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao làm trái nguyên tắc dồn điền đổi thửa chuyển 1.012m² đất trồng lúa nước (LUC) của gia đình mình đang trồng cây ở cánh đồng ngoại Lâm thuộc thửa đất số 10 /18 thuộc tờ bản đồ số 3 thị trấn Y.Đ có giá 50.600.000đ về diện tích đất 1.012m² thuộc tờ bản đồ số 7, thửa số 136 do công ty Dược bàn giao cho UBND thị trấn Y.Đ ở Tổ dân phố số 3 có giá trị 64.400.000đ gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 13.800.000đ; Hành vi trên của bị cáo còn gây thiệt hại cho cá nhân đã trả tiền mua đất cho bị cáo nhưng không được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, gây thiệt hại về giá trị sử dụng đất của Nhà nước, đồng thời gây hậu quả phi vật chất là ảnh hưởng đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Nhà nước, xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước và lợi ích của toàn xã hội. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm mục đích trừng trị, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa loại tội phạm về tham nhũng.

[6] Đối với bị cáo Vũ Hồng T năm 2011 với vai trò là cán bộ địa chính-xây dựng thị trấn Y.Đ, thành viên ban chỉ đạo đề án dồn điền đổi thửa, tổ phó tổ giúp việc dồn điền đổi thửa biết việc giao đất cho hộ bị cáo Phạm Ngọc D không có trong phương án, sơ đồ dồn điền đổi thửa của tổ dân phố số 2, biết diện tích đất trên không nằm trong quy hoạch dồn điền đổi thửa của thị trấn Y.Đ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao đã tiến hành đo đạc, giao đất thực địa cho bị cáo D, đồng thời ký vào biên bản giao đất đã tiến hành đo đạc, gây thiệt hại cho tài sản nhà nước 13.800.000đ. Mặc dù bị cáo thực hiện không vì vụ lợi cá nhân nhưng đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước và lợi ích của toàn xã hội. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Đánh giá vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Đây là một vụ án đồng phạm, trong đó bị cáo Phạm Ngọc D là người chủ mưu, cầm đầu nên giữ vai trò số 1; bị cáo Vũ Hồng T mặc dù không được hưởng lợi nhưng là người giúp sức, trực tiếp thực hiện hành vi trên nên giữ vai trò số hai trong vụ án.

[8] Về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Ngoài ra, từng bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ khác, cụ thể như sau:

Bị cáo Phạm Ngọc D đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền chiếm hưởng trái phép; năm 1992 được Ban chấp hành Đoàn thanh niên tỉnh Nam Hà tặng Bằng khen; năm 2011 và năm 2013 được UBND huyện Hải Hậu tặng Giấy khen. Ngày 29/10/2020 Hội đồng GĐYK Sở y tế tỉnh Nam Định kết luận bị cáo bị tổn thương cơ thể 81% sức khỏe yếu. Vì vậy bị cáo được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Bị cáo Vũ Hồng T, năm 1987 được Bộ tư lệnh đặc công tặng Bằng khen, bị cáo có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng 2. Bản thân bị cáo có sức khỏe yếu với tỷ lệ tổn thương cơ thể 66% . Do đó bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, v khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[10] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: các bị cáo Phạm Ngọc D và Vũ Hồng T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 và 01 tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo D đã tự nguyện giao nộp số tiền chiếm hưởng cho cơ quan điều tra để trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị cáo T phạm tội không có động cơ vụ lợi cá nhân, nên Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ Điều 65 BLHS năm 2015 và hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS về án treo của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 2015 có thể cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo tác dụng hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng Đảng và Nhà nước ta và Phù hợp pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên toà hôm nay là phù hợp.

[11] Các tình tiết liên quan:

Cán bộ, công chức UBND thị trấn Y.Đ có liên quan đến việc để xảy ra các vi phạm về quản lý, sử dụng đất đai như trên gồm:

Đối với ông Nguyễn Thanh H - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị trấn Y.Đ là Trưởng ban chỉ đạo đề án dồn điền đổi thửa nhưng không biết tổ công tác chuyển diện tích đất hộ Phạm Ngọc D về phần diện tích đất do công ty Dược bàn giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn, không được bàn bạc hoặc hứa hẹn từ trước và không ai báo cáo, phản ánh. Tuy nhiên ông Hưng đã không thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình nên Cơ quan điều tra đề nghị Đảng ủy Ủy ban nhân dân thị trấn Y.Đ xử lý đối với ông Hưng là phù hợp pháp luật.

Đối với hành vi của bà Phạm Thị Huệ, ông Vũ Hồng Pha, ông Nguyễn Văn Trường, xét thấy: Các ông, bà đều không biết nguồn gốc diện tích đất giao cho D là do công ty Dược bàn giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn, không biết diện tích đất trên không đủ điều kiện giao ổn định lâu dài cho nhân dân, không được bàn bạc và không được hưởng lợi gì. Do vậy, hành vi của bà Huệ, ông Pha, ông Trường không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra đã đề nghị Đảng ủy Ủy ban nhân dân thị trấn Y.Đ xử lý là phù hợp.

Ngoài ra, Phạm Ngọc D khai nhận: Việc chuyển diện tích đất trồng lúa của D về vị trí đất do công ty Dược bàn giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn là do ông Trần Trọng Toán đề xuất và trực tiếp chỉ đạo thực hiện, tuy nhiên ông Toán đã chết năm 2016, do đó không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với các thành viên khác của ban chỉ đạo, tổ giúp việc đồn điền đổi thửa thị trấn, tổ công tác đồn điền đổi thửa tổ dân phố số 2 đều không biết, không tham gia và không được hưởng lợi gì từ việc chuyển 1.012 m² diện tích đất trồng lúa của Phạm Ngọc D về vị trí đất do công ty Dược bàn giao nên không xem xét xử lý.

[12] Về hình phạt bổ sung: Do xác định bị cáo T không tư lợi cho bản thân hiện nay sức khỏe yếu với tỷ lệ tổn thương cơ thể 66% ; bị cáo D đã trả lại tài sản chiếm hưởng do tư lợi mà có cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hiện nay sức khỏe tổn thương 81% có xác nhận của sở y tế tỉnh Nam Định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[14] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do cơ quan có thẩm quyền khởi tố, truy tố, đến nay không có tổ chức, cá nhân nào yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại. Việc định giá thiệt hại về giá trị sử dụng đất chỉ nhằm mục đích xem xét mức độ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, nên không buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm về dân sự đối với Nhà nước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Lê Minh T và bà Bùi Thị Phương Duyên (Người đại diện theo ủy quyền của bà Duyên) là anh Lê Văn Tùng (đều vắng mặt): Xét thấy trước khi xét xử vụ án bị cáo D tự nguyện giao nộp trả cho ông Thao, bà Duyên số tiền 200.000.000đ. Ông Thao, bà Duyên nhất trí nhận lại số tiền 200.000.000đ và không có yêu cầu bị cáo D phải bồi thường thiệt hại gì thêm. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo D và ý kiến của ông Thao, bà Duyên. Trước khi nhận lại tiền số tiền 200.000.000đ ông Thao và bà Duyên phải có nghĩa vụ thu dọn hết tài sản của mình trên đất và bàn giao mặt bằng đất và diện tích đất 1.012m² thuộc tờ bản đồ số 7, thửa số 136 ở tổ dân phố số 3 cho UBND thị trấn Y.Đ để UBND thị trấn Y.Đ quản lý theo quy định của pháp luật đất đai.

[15] Kiến nghị: UBND thị trấn Y.Đ ra quyết định thu hồi quyết định giao đất diện tích 1.012m² thuộc tờ bản đồ số 7, thửa số 136 ở tổ dân phố số 3, thị trấn Y.Đ không đúng năm 2011 đã giao cho gia đình bị cáo D.

Đối với diện tích đất 1.012m² đất trồng lúa nước (LUC) mà trước đây hộ gia đình bị cáo D sử dụng ở cánh đồng Ngoại Lâm thuộc thửa đất số 10/18 thuộc tờ bản đồ số 2 thị trấn Y.Đ. Hội đồng xét xử không xem xét, điều chỉnh trong vụ án này. Do đó việc xem xét xử lý như thế nào đối với diện tích đất này thuộc thẩm quyền của UBND huyện Hải Hậu và UBND thị trấn Y.Đ. Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh quyền lợi trong vụ án này mà quyền lợi liên quan được xem xét khi cơ quan có thẩm quyền xử lý giải quyết. Nếu không thỏa thuận được có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[16] Vật chứng của vụ án là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[17] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Ngọc D;

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm s, v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vũ Hồng T;

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Ngọc D, Vũ Hồng T phạm tội: “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc D 15(mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Hồng T 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24(hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Ngọc D, Vũ Hồng T cho UBND thị trấn Y.Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách;

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của pháp luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Kiến nghị: UBND thị trấn Y.Đ ra quyết định thu hồi quyết định giao đất

không đúng năm 2011 đã giao diện tích đất 1.012m² thuộc tờ bản đồ số 7, thửa số 136 ở tổ dân phố số 3, thị trấn Y.Đ cho gia đình bị cáo D.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

3. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ông Lê Minh T và bà Bùi Thị Phương D được nhận lại số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu khi đã bàn giao xong mặt bằng diện tích đất 1.012m², thửa số 136, tờ bản đồ số 7 thuộc tổ dân phố số 3, thị trấn Y.Đ cho UBND thị trấn Y.Đ quản lý theo quy định của pháp luật đất đai.

Vật chứng của vụ án là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND TT Yên Định,;
- TAND+VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- VKSND huyện;
- Trại tạm giam Công an tỉnh NĐ;
- Chi Cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng